

TỈNH ỦY ĐẮK LẮK
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

*

**DANH SÁCH HỌC VIÊN LỚP TRUNG CẤP LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ - HÀNH CHÍNH,
HỆ KHÔNG TẬP TRUNG, HUYỆN M'DRẮK, KHÓA HỌC 2020 - 2021**

Thi phần V.2: Nghiệp vụ công tác đảng ở cơ sở

Thời gian làm bài: Từ ngày...../...../2021 đến ngày...../...../2021;

Ngày nộp bài: Ngày/..... tháng/..... năm 2021;

Sbd	Họ và tên		Ngày sinh	Số tờ	Ký nộp bài	Số phách	Điểm số	Điểm chữ
1	Nguyễn Thị	Anh	02/8/1979	06		49	7,5	Bảy, năm
2	Phạm Trung	Ba	06/8/1966	06		6	7,0	Bảy
3	Đặng Thanh	Bắc	04/8/1980	07		34	7,5	Bảy, năm
4	Trần Công	Bắc	12/10/1981	6		17	7,0	Bảy
5	Phan Văn	Bình	21/4/1969	7		33	7,75	Bảy, bảy năm
6	H'Pa	Byă	20/7/1978	7		39	7,75	Bảy, bảy năm
7	Nguyễn Thế	Chiến	01/02/1981	6		58	7,25	Bảy, hai năm
8	Phạm Thị	Chín	30/8/1985	08		54	7,25	Bảy, hai năm
9	Phạm Thị	Chung	08/12/1985	06		20	7,5	Bảy, năm
10	Bùi Văn	Cương	14/9/1975	06		24	7,25	Bảy, hai năm
11	Đồng Quốc	Dân	25/6/1978	06		4	7,5	Bảy, năm
12	Nông Tuấn	Đạt	08/9/1980	06		68	7,25	Bảy, hai năm
13	Trần Thị	Diện	09/01/1988	06		44	7,5	Bảy, năm
14	Hoàng Anh	Dũng	20/02/1981	07		53	7,75	Bảy, bảy năm
15	Huỳnh Tấn	Dũng	16/6/1983	07		55	7,25	Bảy, hai năm
16	Nguyễn Đình	Duy	10/6/1984	07		27	7,0	Bảy
17	Hoàng Thị	Hà	20/11/1977	06		79	7,5	Bảy, năm
18	Đỗ Đình	Hạ	01/3/1982	05		63	7,0	Bảy
19	Nguyễn Thị Minh	Hải	08/8/1986	06		65	7,0	Bảy
20	Bạch Thị Thuý	Hằng	03/10/1987	06		1	7,5	Bảy, năm
21	Hồ Thị Mỹ	Hạnh	17/10/1985	06		3	8,0	Tám



Sbd	Họ và tên		Ngày sinh	Số tờ	Ký nộp bài	Số phách	Điểm số	Điểm chữ
22	Phạm Văn	Hiển	10/01/1981	06		26	7,25	Bảy, hai năm
23	Nguyễn Thị Quỳnh	Hoa	07/01/1982	07		31	7,75	Bảy, bảy năm
24	Ngô Thị	Hoài	15/5/1983	5		29	7,75	Bảy, bảy năm
25	Nguyễn Thị	Huế	04/5/1979	8		28	7,25	Bảy, hai năm
26	Nguyễn Đức	Hùng	04/3/1972	7		60	7,25	Bảy, hai năm
27	Nguyễn Ngọc	Hưng	15/4/1981	8		80	7,5	Bảy, năm
28	Trần Thị	Hương	08/10/1977	6		72	7,25	Bảy, hai năm
29	Hồ Thị	Hường	30/3/1980	6		2	8,0	Tám
30	Lê Thị	Hường	11/12/1976	8		18	7,25	Bảy, hai năm
31	Bùi Văn	Huyền	05/3/1983	6		47	7,5	Bảy, năm
32	Lê Thị	Huyền	01/02/1989	6		69	7,25	Bảy, hai năm
33	Võ Ngọc	Huỳnh	27/3/1973	7		12	7,75	Bảy, bảy năm
34	Nguyễn Khắc	Kính	12/10/1981	7		67	7,25	Bảy, hai năm
35	Hoàng Thị	Lan	25/9/1986	7		78	7,75	Bảy, bảy năm
36	Lê Thị	Lan	16/02/1983	6		16	7,25	Bảy, hai năm
37	Nguyễn Thị Ngọc	Liễu	27/12/1983	07		73	7,25	Bảy, hai năm
38	Đoàn Thị	Loan	24/01/1984	7		11	8,25	Tám, hai năm
39	Nguyễn Thị	Luân	12/12/1978	6		50	7,5	Bảy, năm
40	Trần Thị	Luận	13/8/1984	7		71	7,5	Bảy, năm
41	Nguyễn Thị	Lý	12/6/1984	7		5	8,0	Tám
42	Nguyễn Thị	Mai	01/4/1978	7		61	7,5	Bảy, năm
43	Lê Thị	Mâu	02/12/1970	6		51	7,25	Bảy, hai năm
44	Vi Thị	Mến	17/5/1983	07		13	7,5	Bảy, năm
45	Bùi Thị Thanh	Nguyên	14/8/1990	06		38	7,75	Bảy, bảy năm
46	Phạm Minh	Nguyệt	21/10/1987	06		56	7,5	Bảy, năm
47	Trần Ánh	Nguyệt	03/10/1990	06		74	7,5	Bảy, năm

002

Sbd	Họ và tên		Ngày sinh	Số tờ	Ký nộp bài	Số phách	Điểm số	Điểm chữ
48	Nguyễn Thị Tuyết	Nhung	09/01/1980	06	<i>[Signature]</i>	21	7,75	Bảy, bảy năm
49	Y Gon	Niê	28/6/1981	06	<i>[Signature]</i>	37	7,25	Bảy, hai năm
50	Y Jim	Niê	02/4/1991	06	<i>[Signature]</i>	59	7,25	Bảy, hai năm
51	Y Minh	Niê	05/10/1982	06	<i>[Signature]</i>	32	7,75	Bảy, bảy năm
52	Y Thác	Niê	02/11/1982	06	<i>[Signature]</i>	48	7,25	Bảy, hai năm
53	Phạm Văn	Phú	15/6/1977	05	<i>[Signature]</i>	7	7,0	Bảy
54	Ngô Thị Thu	Phương	29/10/1983	06	<i>[Signature]</i>	15	7,75	Bảy, bảy năm
55	Ngô Thị Kim	Phượng	27/9/1988	08	<i>[Signature]</i>	8	8,25	Tám, hai năm
56	Hồ Thế	Son	09/10/1970	07	<i>[Signature]</i>	42	7,0	Bảy
57	Trần Thị Mỹ	Sự	29/7/1983	06	<i>[Signature]</i>	77	7,25	Bảy, hai năm
58	Nguyễn Văn	Tài	20/6/1983	06	<i>[Signature]</i>	30	7,25	Bảy, hai năm
59	Lương Thị Thanh	Tâm	28/11/1985	07	<i>[Signature]</i>	64	7,75	Bảy, bảy năm
60	Phù Thị	Tâm	12/3/1977	06	<i>[Signature]</i>	76	7,75	Bảy, bảy năm
61	Nguyễn Văn	Thắng	24/9/1987	6	<i>[Signature]</i>	75	7,5	Bảy, năm
62	Phạm Thị	Thanh	10/8/1990	06	<i>[Signature]</i>	57	7,5	Bảy, năm
63	Trần Thị Tuyết	Thanh	12/10/1991	06	<i>[Signature]</i>	52	7,75	Bảy, bảy năm
64	Trần Thị	Thi	20/3/1981	06	<i>[Signature]</i>	22	7,25	Bảy, hai năm
65	Phan Tấn	Thiệt	10/10/1976	06	<i>[Signature]</i>	62	7,0	Bảy
66	Trần Thị Hương	Thoa	09/5/1975	08	<i>[Signature]</i>	70	7,25	Bảy, hai năm
67	Nguyễn Thị	Thu	30/6/1973	07	<i>[Signature]</i>	41	7,25	Bảy, hai năm
68	Lê Thị	Thúy	10/5/1988	07	<i>[Signature]</i>	40	7,75	Bảy, bảy năm
69	Nguyễn Thị Ngọc	Thủy	25/10/1988	06	<i>[Signature]</i>	45	7,5	Bảy, năm
70	Nguyễn Thị	Thuyết	12/10/1988	08	<i>[Signature]</i>	9	7,5	Bảy, năm
71	Trương Thị	Tình	03/3/1985	06	<i>[Signature]</i>	43	7,5	Bảy, năm
72	Lê Thị	Trang	25/11/1988	06	<i>[Signature]</i>	46	7,5	Bảy, năm
73	Nguyễn Bá	Trung	10/6/1978	06	<i>[Signature]</i>	10	7,5	Bảy, năm

[Handwritten signature]

Sbd	Họ và tên		Ngày sinh	Số tờ	Ký nộp bài	Số phách	Điểm số	Điểm chữ
74	Lương Bá	Từ	17/3/1977	06	<i>[Signature]</i>	66	7,25	Bảy, hai năm
75	Văn Thị	Tý	10/8/1985	07	<i>[Signature]</i>	19	7,75	Bảy, bảy năm
76	Trần Thị	Vân	21/7/1985	08	<i>[Signature]</i>	36	7,5	Bảy, năm
77	Nguyễn Thế	Vinh	17/9/1982	09	<i>[Signature]</i>	23	7,25	Bảy, hai năm
78	Nguyễn Thị Thanh	Vui	05/5/1976	9	<i>[Signature]</i>	35	7,75	Bảy, bảy năm
79	Nguyễn Thị	Yến	12/10/1986	7	<i>[Signature]</i>	14	7,25	Bảy, hai năm
80	Phan Thị	Yến	21/5/1981	6	<i>[Signature]</i>	25	7,5	Bảy, năm

Tổng số học viên theo danh sách:.....80.....học viên;

Số học viên không đủ điều kiện viết bài thu hoạch kết thúc phần học:.....1.....học viên;

Số học viên đủ điều kiện viết bài thu hoạch kết thúc phần học:.....80.....học viên;

Số bài thu hoạch hiện có:.....80.....bài

Ngày...18...tháng...11...năm 2021

NGƯỜI KIỂM TRA VÀO PHÁCH VÀ ĐIỂM

[Signature]
Nguyễn Văn Cường

TRƯỞNG KHOA

Ngày...15...tháng...11...năm 2021

NGƯỜI VÀO ĐIỂM

[Signature]
Lê Hải Tiến

TRƯỞNG PHÒNG QLĐT&NCKH

[Signature]
Lương Bảo Nam



[Signature]
onhul